

Số: 76/QĐ-ĐHCNĐN

Đồng Nai, ngày 29 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được quy định tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-ĐHCNĐN ngày 24/9/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, áp dụng cho sinh viên tất cả các khóa, ngành đào tạo bậc đại học và cao đẳng tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông (bà) Trưởng Phòng đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị có liên quan, các giảng viên và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



TS. Phan Ngọc Sơn

QUY CHẾ

Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 76 /QĐ-ĐHCNĐN ngày 29 /7 /2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Đồng Nai)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, bao gồm các nội dung về: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các trình độ đại học và cao đẳng của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; hình thức đào tạo; hình thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
2. Chương trình đào tạo được các khoa trực thuộc trường Đại học Công nghệ Đồng Nai xây dựng. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết, môn học trước, môn học tương đương, môn học song hành (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm,

thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ký ban hành các chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong Trường.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Các học phần có khối lượng từ 1 đến 5 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ trừ thực tập tốt nghiệp, khoá luận và đồ án tốt nghiệp. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.
 - a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi học kỳ của chương trình đào tạo.
3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.
 - Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.
 - Số tín chỉ của từng học phần được ghi trong chương trình và trong niên giám của từng khóa học.
 - Một tiết học được tính tối thiểu 40 phút
 - Học phí tín chỉ: Học phí tín chỉ được xác định căn cứ theo chi phí của các hoạt động giảng dạy học tập, cơ sở vật chất tính cho một tín chỉ. Học phí thu theo học kỳ được xác định theo số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học trong học kỳ đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quy định cho từng bậc học và từng hệ đào tạo theo từng năm học (có quy định riêng).
4. Các học phần học có điều kiện

- a. Học phần tiên quyết: Học phần A là tiên quyết của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã học hoàn tất học phần A và kết quả thi đạt yêu cầu.
- b. Học phần trước: Học phần A là học phần trước của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên phải học xong học phần A (có thể chưa đạt). Sinh viên được phép đăng ký học phần B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học của học phần A.
- c. Môn học song hành: Học phần A là học phần song hành với học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học phần B là sinh viên đã đăng ký học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học phần B vào cùng học kỳ đã đăng ký học phần A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.
- d. Học phần thay thế: Là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo khoá trước nhưng khoá sau không còn tổ chức giảng dạy nữa, hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên học nhưng không đạt (điểm F). Học phần thay thế còn áp dụng cho những trường hợp: cùng một học phần nhưng số tín chỉ của học phần khoá sau khác với khoá trước.
- e. Học phần tương đương: Là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Trường hoặc trường khác, được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của Trường từ 7 giờ 30 đến 21 giờ 00 hàng ngày trong tuần. Trường phòng đào tạo sắp xếp thời khoá biểu hàng ngày cho toàn trường căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học và điều kiện cơ sở vật chất của trường.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của

- những học phần đạt điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần đạt điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.
 5. Việc đánh giá theo điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D chỉ áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2016.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.
 - a. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học tại trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được quy định như sau:
 - Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện 3 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp cùng ngành đào tạo;
 - Đào tạo trình độ đại học được thực hiện 4 đến 5 năm học (tùy theo từng ngành học) đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; 1,5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.
 - b. Một năm học có 03 học kỳ, mỗi học kỳ có 15 tuần, trong đó 11 tuần thực học, 01 tuần dự trữ và 03 tuần thi. Ngoài ra có 01 học kỳ phụ vào thời gian nghỉ hè để sinh viên đăng ký học cải thiện hoặc học lại.
2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường phòng đào tạo dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.
3. Thời gian tối đa và tối thiểu:
 - Thời gian tối đa và tối thiểu của một khóa đào tạo là thời gian dài nhất và ngắn nhất mà mỗi sinh viên được phép học để hoàn thành khóa học của riêng mình.
 - Thời gian kế hoạch, thời gian tối đa và tối thiểu đối với các hệ khác nhau

được quy định cụ thể trong bảng dưới đây:

Hệ đào tạo	Thời gian kế hoạch		Thời gian tối đa		Thời gian tối thiểu	
	Số năm	Số học kỳ	Số năm	Số học kỳ	Số năm	Số học kỳ
ĐH Chính quy	4-5	12-15	6-7	18-21	3-4	9-12
ĐH liên thông 1,5 năm	1,5	5	3	9	1	3
CĐ chính quy	3	9	5	15	2	6
CĐ liên thông 1,5 năm	1,5	5	3	9	1	3

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường sinh viên phải nộp tại phòng Thanh tra giáo dục và Quản lý HSSV các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ trên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân. Phòng Thanh tra giáo dục và Quản lý HSSV kiểm tra thông tin chính xác và nhập dữ liệu hồ sơ vào hệ thống sau đó chuyển cho phòng Đào tạo quản lý.
2. Ngay trong học kỳ đầu tiên sinh viên phải nộp bổ sung hồ sơ nhập học đối với các trường hợp chưa đúng, đủ theo quy định.
2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Trường
3. Sinh viên nhập học được Nhà trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình, ngành đào tạo hoặc chuyên ngành

1. Đầu khóa học, sinh viên được sắp xếp vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo căn cứ vào nguyện vọng cá nhân và kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển trong kỳ tuyển sinh.

2. Đối với các ngành đào tạo nếu có nhiều chuyên ngành, sinh viên học chuyên ngành nào phải thực hiện đăng ký học chuyên ngành đó theo kế hoạch của Nhà trường đối với từng khóa học, ngành học. Thời gian đăng ký thực hiện trước ít nhất 1 học kỳ tính từ khi bắt đầu theo học chuyên ngành. Cố vấn học tập hướng dẫn tổ chức đăng ký học chuyên ngành và quản lý sinh viên theo các chuyên ngành.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Có hai hình thức tổ chức lớp: Lớp học phần và Lớp danh nghĩa

1. Lớp học phần

- a) Lớp học phần được tổ chức cho từng học phần khác dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.
- b) Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học này được quy định như sau:
- + Lớp học lý thuyết các môn chính trị: 100
 - + Lớp học lý thuyết các môn lý thuyết cơ bản, cơ sở: 40
 - + Lớp học lý thuyết các môn chuyên ngành: 40
 - + Lớp học tiếng Anh: 25
 - + Lớp học các môn giáo dục thể chất: 60
 - + Lớp học thực hành tin học: 30
 - + Lớp học thực hành, thí nghiệm: 25
 - + Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

2. Lớp danh nghĩa

- a) Lớp danh nghĩa được tổ chức theo nhóm các học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Hệ thống cán bộ lớp, cán bộ đoàn và hội sinh viên được tổ chức theo các lớp danh nghĩa và duy trì trong cả khóa học.
- b) Lớp danh nghĩa (lớp sinh viên) là lớp được tổ chức cho sinh viên cùng khóa để duy trì các sinh hoạt chính trị, xã hội của tập thể sinh viên ngoài giờ lên lớp theo lớp học phần như: xét khen thưởng, kỷ luật, bình xét điểm rèn luyện,... Lớp danh nghĩa cũng là cơ sở để hình thành các chi đoàn thanh niên, chi hội sinh viên.
- c) Mỗi lớp danh nghĩa có một tên riêng gắn với khoa, khóa đào tạo và do một chuyên viên hoặc giảng viên phụ trách làm cố vấn học tập của lớp. Cố vấn học tập có nhiệm vụ hướng dẫn sinh viên về học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa học.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi học kỳ, phòng Đào tạo thông báo danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, kế hoạch thi, kiểm tra kết thúc của từng học phần.
2. Trừ một số trường hợp ngoại lệ được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học danh nghĩa của mình. Ngoài ra, căn cứ vào chương trình đào tạo, từng sinh viên có thể đăng ký học bổ sung các học phần khác với phòng Đào tạo.
3. Trước thời điểm bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo của trường thông qua website.
 - a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 1 tháng;
 - b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;
 - c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp, trong trường hợp này sinh viên phải làm đơn theo mẫu tại website phòng đào tạo.
4. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ tối thiểu 9 tín chỉ.
5. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng tối đa đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
6. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, học trước (nếu có) của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.
7. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Sinh viên chỉ được rút bớt học phần đã đăng ký trong thời gian phòng Đào tạo chưa khóa lớp học phần.
2. Việc rút bớt học phần (hủy học phần) trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ sinh viên phải viết đơn (theo mẫu tại website phòng Đào tạo) gửi phòng Đào tạo của trường và phải đạt khối

- lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ.
3. Sau khi đã hết thời hạn cho phép rút bớt các học phần, những sinh viên đã được chấp nhận đăng ký các học phần thì phải đóng học phí toàn bộ những học phần đã được chấp nhận. Nếu đóng không đủ học phí các học phần, phòng Kế hoạch tài chính sẽ từ chối không cho đóng học phí các học phần còn lại. Khi đó sinh viên sẽ phải ngừng học vì không còn cơ hội để đăng ký các học phần khác trong học kỳ này.
 4. Những học phần sinh viên đã đăng ký và đã đóng học phí mà không học thì được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F học phần đó.
 5. Trong quá trình học Nhà trường không chấp thuận cho rút bớt các học phần.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+ hoặc D.
2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại, hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D, D+, C, C+, B để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy, trường hợp học cải thiện sinh viên cần phải làm đơn theo quy định hoặc thực hiện đăng ký trên website, khi học cải thiện thì điểm cao nhất là điểm cuối cùng.
4. Nhà trường không giới hạn số lần đăng ký học lại hoặc học chuyển đổi trong thời gian sinh viên được phép hoàn thành chương trình theo quy định. Sinh viên có thể đăng ký học lại theo kế hoạch tổ chức đào tạo của Nhà trường.
5. Thủ tục đăng ký học giống như đối với một học phần mới.
6. Sinh viên tự nguyện đăng ký học các học phần mở rộng (bổ sung) thì được chấp nhận. Khi kết thúc học phần nếu đạt yêu cầu thì không thể hiện trên bảng điểm toàn khoá và không tính vào điểm trung bình chung tích lũy khi xét tốt nghiệp. Sinh viên đang học tập tại trường được đăng ký học các học phần mở rộng. Nếu sau đó sinh viên thi đậu vào 1 ngành học khác hoặc học song ngành có học phần đó thì kết quả sẽ được bảo lưu. Học phí của học phần mở rộng thu theo bậc đào tạo và ngành học của học phần được mở và không có chế độ miễn giảm.

Điều 13. Nghỉ ốm, nghỉ có lý do chính đáng

- Sinh viên xin nghỉ ốm, nghỉ có lý do chính đáng trong quá trình học phải viết đơn xin phép gửi Giảng viên bộ môn (không tính ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày ốm. Trong trường hợp nghỉ vào đợt thi sinh viên phải viết đơn xin hoãn thi theo mẫu và gửi phòng Đào tạo kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (KLTL) so với khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo (KLCT), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:
 - a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
 - b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ;
 - c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ;
 - d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;
 - đ) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ;
2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:
 - a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
 - b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp thôi học
3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ sẽ được tính vào kết quả học tập học kỳ chính tổ chức ngay trước học kỳ phụ hoặc học kỳ chính tổ chức song song với học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên không nợ học phí và các khoản phí khác được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:
 - a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
 - b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

- c) Vì nhu cầu cá nhân, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.
2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Đào tạo ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời gian được phép hoàn thành chương trình quy định tại khoản 3 Điều 6. Sinh viên thuộc diện cảnh báo nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
- a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo.
 - b) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá.
 - c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.
2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong những trường hợp sau đây:
- a) Lần thứ 2 liên tiếp có kết quả học tập rơi vào các trường hợp thuộc mục a hoặc b Khoản 1 Điều này.
 - b) Lần thứ 3 có kết quả học tập rơi vào các trường hợp thuộc mục a hoặc b Khoản 1 Điều này.
 - c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.
 - d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.
 - e) Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại mục a, b, c khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho chuyển chương trình đào tạo và cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể. Thời hạn nhận đơn xin xét chuyển xuống học ở trình độ đào tạo thấp hơn hoặc chuyển qua chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng không quá 12 tháng kể từ khi có quyết định buộc thôi học. Nhà trường sẽ không giải quyết các trường hợp nộp đơn muộn.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.
2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:
 - a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
 - b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;
 - c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.
4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.
5. Hiệu trưởng quy định chi tiết về học cùng lúc hai chương trình đào tạo.

Điều 18. Sinh viên chuyển trường

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào trường Đại học Công nghệ Đồng Nai nếu thoả mãn các điều kiện sau đây:

- a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
 - b) Có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo tại trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;
 - c) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và đến chấp nhận;
 - d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Sinh viên không được phép chuyển đến trường Đại học Công nghệ Đồng Nai trong các trường hợp sau:
- a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
 - b) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
 - c) Sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập tại trường đang theo học.
3. Thủ tục chuyển đến trường:
- a) Sinh viên chuyển đến phải có hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của trường xin chuyển đi.
 - b) Phòng Đào tạo xử lý hồ sơ, đề xuất Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

CHƯƠNG III

KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điều 19. Quy định thời gian có mặt trên lớp

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành:
 - Sinh viên tham dự $\geq 80\%$ số tiết học của học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.
 - Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 20% số tiết học lý thuyết hoặc quá 20% số giờ học của từng bài thực hành hoặc có điểm đánh giá bài thực hành không đạt sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).
2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực

hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Học phần khóa luận tốt nghiệp được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi để sinh viên thi kết thúc học phần và sinh viên chỉ được thi 01 lần cho một học phần đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây sinh viên bị cấm thi và phải nhận điểm 0
 - a. Vắng mặt trên lớp quá quy định nêu tại khoản 1 Điều 19
 - b. Có một trong các điểm quá trình < 4 thang điểm 10 (điểm giữa kỳ, thường xuyên, tiểu luận...)
 - c. Nợ học phí (sẽ bị cấm thi các điểm quá trình hoặc thành phần)
2. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.
3. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi kết thúc học phần, nếu được phê duyệt theo đơn hoãn thi, được dự thi ở kỳ thi bổ sung hoặc thi vào đợt thi sau có học phần đó. Thời gian tổ chức đợt thi bổ sung do phòng Khảo thí quy định. Sinh viên không tham dự kỳ thi bổ sung (nếu có) sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.
4. Sinh viên chỉ được thi 01 lần cho một lần học
Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được Hiệu trưởng quy định trong văn bản riêng.
2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi tự luận, thực hành, trắc nghiệm, vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.
3. Bài thi kết thúc học phần do hai giảng viên chấm (trừ các bài thi chấm bằng máy). Điểm thi được công bố trong vòng 10 ngày kể từ ngày thi, điểm thi vấn đáp được công bố công khai ngay sau mỗi buổi thi. Trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.
Việc bảo quản và lưu giữ các bài thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), tiểu luận, bài tập lớn, bài thi trên máy tính ít nhất là hai năm kể từ ngày thi hoặc

ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

3. Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề thi giữa học phần, đề kiểm tra và cho điểm quá trình (điểm đánh giá bộ phận).

Điều 22. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành
 - a. Cách xác định điểm trung bình các điểm trong kỳ
 - Điểm trung bình các điểm trong kỳ là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, giữa học phần theo trọng số của từng loại điểm. Điểm trung bình các điểm trong kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.
 - Cách tính các loại điểm:
 - + Điểm kiểm tra thường xuyên: Gồm các điểm kiểm tra kết quả học tập hàng ngày. Số điểm kiểm tra thường xuyên được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết môn học.
 - + Điểm thi giữa học phần: Thời điểm tổ chức thi và nội dung thi do giáo viên giảng dạy lựa chọn trên cơ sở tổng hợp nội dung từ đầu học phần. Thời gian làm bài thi giữa học phần từ 60 đến 90 phút.
 - b. Cách xác định điểm học phần
 - Điểm học phần: Là trung bình cộng của điểm trung bình các điểm trong kỳ và điểm thi kết thúc học phần theo hệ số của từng loại điểm. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 ÷ 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và chuyển qua thang điểm chữ để tính điểm trung bình chung.
2. Đối với các học phần thực hành (thực hành/thí nghiệm/thực tập): Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ.
3. Học phần Đồ án môn học, Bài tập lớn: Sử dụng điểm đánh giá khi kết thúc học phần làm điểm học phần. Điểm đánh giá tính theo thang điểm 10.
4. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi chuyên môn cấp toàn quốc: căn cứ theo kết quả đạt được, Khoa đào tạo lập đề xuất học phần tương đương và chuyển về phòng Đào tạo để tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt.
5. Điểm đánh giá bộ phận (điểm quá trình) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
6. Trọng số điểm học phần:
 - Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần được tính dựa vào điểm thi kết thúc học

phần và điểm thành phần (điểm quá trình).

- Đ.TKTHP: Điểm thi kết thúc học phần phải ≥ 4 (thang điểm 10) mới tính các điểm thành phần khác, Đ.TKTHP nếu nhỏ hơn 4 thì điểm tổng kết học phần là điểm F, sinh viên sẽ phải học lại học phần này.

- Điểm thành phần có thể bao gồm các điểm như:

+ Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

+ Đ.TL: Điểm tiểu luận hoặc bài tập lớn

+ Đ.TBKTTX: Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên

a) Đối với những học phần không làm tiểu luận:

$$\text{Đ.TKHP} = 60\% \text{ Đ.TKTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 20\% \text{ Đ.TBKTTX}$$

b) Đối với những học phần có làm tiểu luận:

$$\text{Đ.TKHP} = 50\% \text{ Đ.TKTHP} + 20\% \text{ Đ.GK} + 30\% \text{ Đ.TL}$$

c) Đối với những học phần có một cột điểm thi:

$$\text{Đ.TKHP} = \text{Đ.TKTHP}$$

Điều 23. Các loại điểm sử dụng để tính điểm trung bình chung (TBC) học kỳ, TBC tích lũy

1. Các loại điểm học phần được sử dụng để tính điểm TBC học kỳ

- Điểm học phần của các học phần trong chương trình đào tạo của ngành học thứ nhất, được tổ chức trong học kỳ chính, do sinh viên đăng ký và học lần đầu. Nếu sinh viên đăng ký học lại học phần ở học kỳ phụ tổ chức ngay sau học kỳ chính hoặc song song với học kỳ chính thì điểm học phần cao nhất trong các lần học sẽ được sử dụng để tính điểm TBC học kỳ của học kỳ chính đó.

- Điểm học phần do sinh viên đăng ký học đổi (Điều 12 của Quy chế), trong học kỳ phụ được tổ chức ngay sau học kỳ chính hoặc song song với học kỳ chính.

- Sinh viên đã tích lũy đủ số tín chỉ và số học phần theo quy định cho nhóm học phần tự chọn trong chương trình đào tạo, nếu đăng ký học thêm các học phần khác trong nhóm thì điểm học phần đạt được sẽ sử dụng để tính điểm TBC học kỳ. Sinh viên không muốn sử dụng kết quả học tập của các học phần học thêm để tính điểm TBC học kỳ thì có thể làm đơn xin hủy

học phần và gửi về Phòng Đào tạo trước thời điểm xét học tiếp để điểm học phần đó không sử dụng để tính điểm TBC học kỳ.

2. Tính điểm TBC tích lũy: Điểm học phần cao nhất mà sinh viên tích lũy được qua các lần học được sử dụng để tính điểm TBC tích lũy tại thời điểm xét học tiếp, xét tốt nghiệp.

Đối với các nhóm học phần tự chọn, số lượng học phần trong nhóm tự chọn sinh viên tích lũy được lớn hơn số lượng học phần quy định phải tích lũy trong nhóm tự chọn: Nhà trường sẽ sử dụng các học phần có điểm học phần cao nhất, đủ số lượng học phần theo quy định của nhóm, để tính điểm trung bình chung tích lũy.

3. Trường hợp sinh viên đăng ký học các học phần ngoài chương trình đào tạo: Điểm học phần của các học phần không nằm trong chương trình đào tạo của ngành học, các học phần này thuộc chương trình đào tạo của ngành khác do sinh viên đăng ký học thêm, không sử dụng để tính điểm TBC học kỳ, TBC tích lũy; Kết quả tích lũy được của các học phần học thêm sẽ không ghi trong bảng kết quả học tập, sinh viên có nhu cầu nhận chứng nhận hoàn thành các học phần này sẽ làm đơn và gửi Phòng đào tạo để cấp chứng nhận.

Điều 24. Cách tính điểm học phần

1. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và thang điểm hệ 4 như sau:

Loại điểm	Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Điểm hệ 4
Đạt	9,0 - 10	A+	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,5
	8,0 - 8,4	B+	3,1
	7,0 - 7,9	B	2,8
	6,5 - 6,9	C+	2,4
	5,5 - 6,4	C	2,0
	5,0 - 5,4	D+	1,5
	4,0 - 4,9	D	1,0
Không đạt	< 4	F	0

- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

- Đối với những học phần được Nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp

mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

2. Việc xếp loại các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;
 - b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;
 - c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.
3. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 2 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.
4. Việc xếp loại ở mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:
 - a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học phần sinh viên bị ốm, tai nạn hoặc lý do khách quan khác không thể dự kiểm tra hoặc thi, được xét duyệt theo đơn hoãn thi;
 - b) Sinh viên thiếu điểm quá trình do không thể dự kiểm tra thường kỳ, giữa kỳ vì những lý do khách quan, được giảng viên chấp thuận.

Trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, sinh viên có điểm I phải trả xong các nội dung còn nợ để được chuyển điểm. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.
5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chuyển lên đối với các trường hợp chưa nhập điểm kết thúc học phần đã quá hạn.
6. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:
 - a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A+, A, B+, B, C+, C, D+, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.
 - b) Những học phần được công nhận, bảo lưu kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.
7. Các quy định đối với học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng
 - a) Học phần Giáo dục thể chất
 - Xếp loại thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 24.
 - Điểm đạt là điểm từ 5 trở lên
 - b) Học phần Giáo dục Quốc phòng

- Điều kiện thi, số lần thi kết thúc học phần, điều kiện cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh thực hiện qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điểm đạt là điểm từ 5 trở lên

Điều 25. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy, điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi tương ứng qua thang điểm 4.
2. Điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm TBC năm học để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi năm học. Điểm TBC tích lũy để xét cảnh báo, thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

Điều 26. Phúc tra và khiếu nại điểm

Điểm học phần được công bố tại trang web đào tạo <http://sv.dntu.edu.vn> Sinh viên phải kiểm tra kết quả điểm của mình. Sinh viên có quyền gửi đơn khiếu nại về điểm (điểm TBC các điểm trong học kỳ, điểm thi kết thúc học phần và điểm giữa kỳ) đến Bộ phận một cửa của phòng Đào tạo chậm nhất là 10 ngày làm việc tính từ ngày công bố điểm, quá thời hạn này sinh viên sẽ không được giải quyết điểm phúc khảo. Trường các khoa có trách nhiệm phối hợp với phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí để giải quyết và trả lời khiếu nại của sinh viên theo quy định của Nhà trường. Đơn xin phúc tra và khiếu nại điểm được niêm yết tại công thông tin sinh viên.

CHƯƠNG IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 27. Thực tập cuối khoá, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:
 - a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt tiêu chuẩn quy định của trường và đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng bằng 5 tín chỉ.
 - b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không thuộc diện làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc sinh viên đạt tiêu chuẩn làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp nhưng không đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định cho chương trình.
2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:
 - a) Các tiêu chuẩn sinh viên đủ điều kiện đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp;
 - b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;
 - c) Hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;
 - d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.
3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khoá luận tốt nghiệp, Hiệu trưởng giao cho Trường khoa quản lý học phần bố trí thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

Điều 28. Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định quy trình hướng dẫn và tổ chức bảo vệ đồ án khoá luận tốt nghiệp trong văn bản riêng.
2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó chuyển sang thang điểm chữ theo quy định tại khoản 1, Điều 24 của Quy chế này. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do Hội đồng có ít nhất 3 giảng viên đảm nhiệm. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.
3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ

án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Điều 29. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - b. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này.
 - c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
 - d. Có các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm theo quy định của Hiệu trưởng.
 - đ. Có chứng chỉ giáo dục Quốc phòng - An ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao.
 - e. Có gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc có thể đăng ký online tại cổng thông tin điện tử của sinh viên.
2. Sau mỗi đợt, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.
3. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trường hoặc phó phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng Thanh tra giáo dục và Quản lý HSSV.
4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 30. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm TBC tích lũy từ 3,60 đến 4,00
 - b) Loại giỏi: Điểm TBC tích lũy từ 3,20 đến 3,59
 - c) Loại khá: Điểm TBC tích lũy từ 2,50 đến 3,19
 - d) Loại trung bình: Điểm TBC tích lũy từ 2,00 đến 2,49
2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 - a) Có khối lượng của các học phần thi lại hoặc học lại lần thứ 2 trở lên vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.
 - b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.
 3. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).
 4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 29; của Quy chế này đối với học cùng lúc hai chương trình thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.
 5. Sinh viên còn nợ các chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 01 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.
 6. Hết thời gian được phép hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên không tốt nghiệp được cấp bằng kết quả học tập của trường về các học phần đã tích lũy trong chương trình. Những sinh viên này có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

CHƯƠNG V

XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ

học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 32. Điều khoản thi hành

- Quy chế này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm học 2016-2017 học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, kể từ học kỳ 1 năm học 2016-2017, các quy định trước đây trái với quy định này được bãi bỏ. Riêng các khóa đào tạo tuyển sinh từ năm học 2015-2016 trở về trước, kết quả học tập của sinh viên được giữ nguyên và điểm đánh giá tính theo thang điểm A, B, C, D.
- Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định./.


HIỆU TRƯỞNG *Phan Ngọc Sơn*
Phan Ngọc Sơn
*TS. Phan Ngọc Sơn